

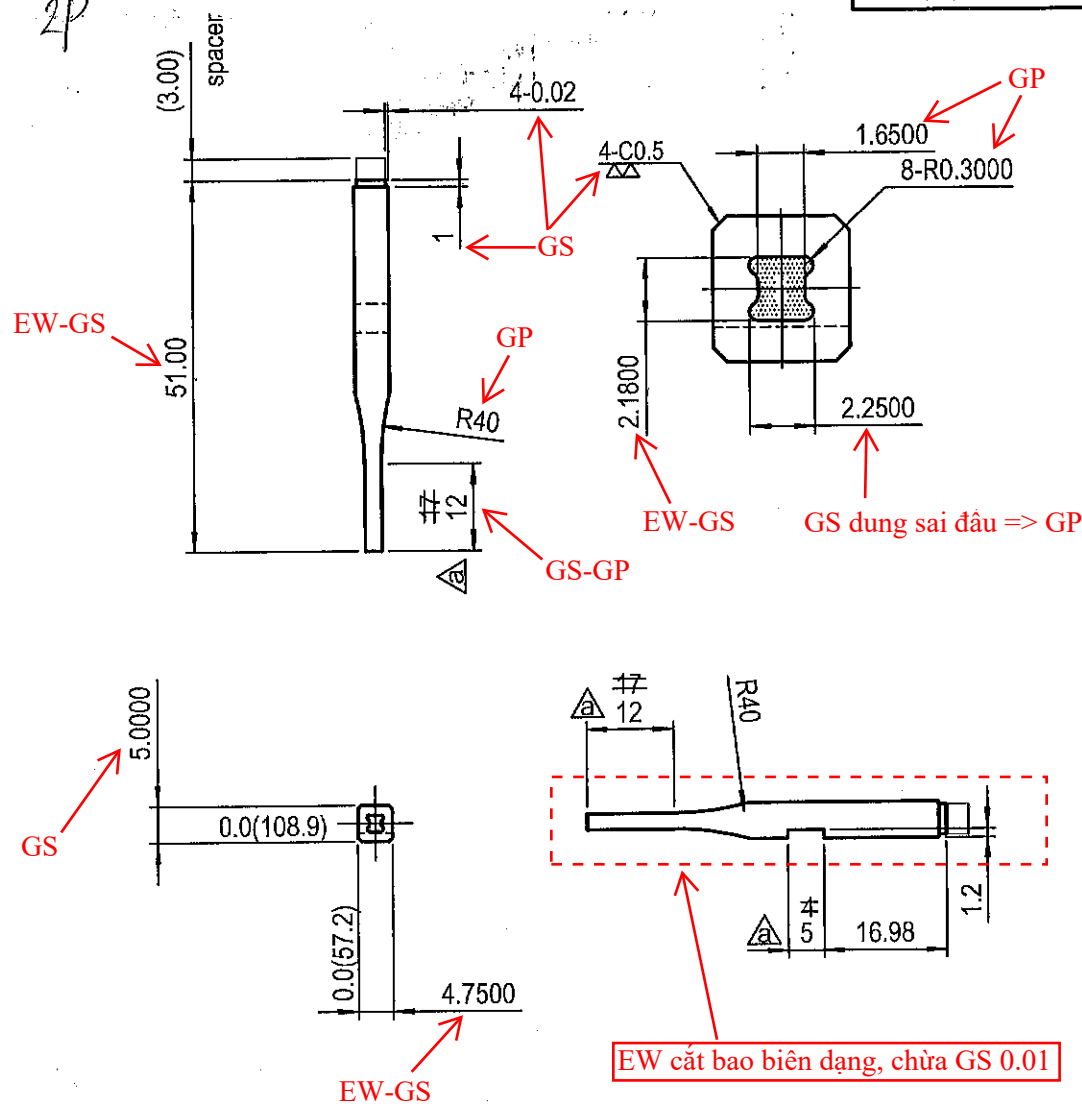
MY

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/09/14	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0
									-0.005	
a	2019/11/01	部品図変更(同視物)		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005
									-0	
							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0
									-0.01	
							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01
									-0	
							0.	± 0.2	0.0 +0	+0
									-0.1	
									+0.1	
									-0	

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G
▽▽ (▽▽)

213110 C37A.

2P



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)

△ (共立合金製 KX01) が材質証明必要との事です

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(V50)	1:1	部品図	トリミングパンチ
DSGND.	SURFACE	1:1	PART DRAWING	TRIMMING PUNCH
Lin_Wei_Cheng		1:1	部品図	修整冲头
		1:1	部品圖	修整冲頭
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Lin_Wei_Cheng	HRC ~	A4V	2018/09/14	R179394

90
350
1200

T6 7.53 414.110 0222

SNO: **R179394**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCV50 T6X7X53	EW:150 GS:120 GP:250 KT